TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA HANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: **46**/2023/HNGĐ-ST Ngày 30 tháng 6 năm 2023 V/v *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Ông Nguyễn Trường Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Chẩu Văn Khỏe.

2. Ông: Lương Quang Toán.

- *Thư ký phiên tòa***:** Bà Đàm Thị Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa*: Bà Hà Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **83**/2022/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2022, về *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **13**/2023/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 5 năm 2023. Quyết định hoãn phiên tòa số: **11**/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2023.

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Như A, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai Lê Như A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2020, anh A và chị Nguyễn Thị C được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 08/12/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh cư trú tại ấp K, xã T, huyện Thới Bình nhưng anh, chị sống không hạnh phúc thường xuyên cãi, chửi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Khoảng tháng 4/2021, chị C đã chuyển về nhà bố, mẹ đẻ tại Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/5/2023 chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Như A trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 08/12/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chị cư trú tại Ấp K, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Anh, chị sống hạnh phúc được 05 tháng 15 ngày thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị và anh A đã sống ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh, chị không còn quan tâm, chăm sóc tới nhau nữa, việc anh A làm đơn xin ly hôn, chị nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã xác minh tại Công an thị trấn N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, được biết chị Nguyễn Thị C đã nhập khẩu về nhà bố, mẹ đẻ tại Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Na Hang từ tháng 5/2021.

Xác minh tại Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Na Hang, được biết chị Nguyễn Thị C, thường xuyên vắng mặt tại địa phương, còn chị C đi đâu, làm gì tổ dân phố không nắm bắt được.

Ngày 30/12/2022, anh Lê Như A đã có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), Luật

hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GĐ), xác định đúng tranh chấp, tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; các Điều 51 và 56 của Luật HN&GĐ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Như A.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Như A được ly hôn chị Nguyễn Thị C.
- Về con chung; về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự xác định không có, do đó không đề nghị HĐXX xem xét.

Ngoài ra tuyên anh Lê Như A phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Do đó việc Tòa án nhân dân huyện Na Hang, thụ lý vụ án trên là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của BLTTDS. Quá trình giải quyết anh Lê Như A đã có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các thông báo, văn bản tố tụng hợp lệ cho chị Nguyễn Thị C, ngày 20/5/2023 chị C đã có đơn đề nghị không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Căn cứ vào Điều 207 của BLTTDS Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Như A có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị C đã được giao nhận trực tiếp Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, do đó việc Tòa án tống đạt được coi là hợp lệ theo quy định tại Điều 174 của BLTTDS, căn cứ vào các Điều 227, 228 và Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Như A và chị Nguyễn Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đây là hôn nhân hợp pháp. Việc các đương sự trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân là hoàn toàn phù hợp với những chứng cứ, tài liệu mà Tòa án đã thu thập được. HĐXX thấy rằng anh A và chị C đã có thời gian sống ly thân đã lâu, trong thời gian ly thân các bên đương sự không còn

quan tâm, chăm sóc tới nhau nữa, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật HN&GĐ, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Như A.

[3] Về con chung; về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự xác định không có, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Lê Như A phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Như A được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

2. Về án phí: Anh Lê Như A phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, theo biên lai thu tiền tạm ứng phí số: AA/2021/0005045, ngày 29/12/2022.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trường Giang